

Thứ tư, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/3/2020	•		
Tuần 16/3-20/3/2020	•		
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giao dịch có phần khởi sắc hơn trong phiên hôm nay. Trong phiên sáng, chỉ số được nâng đỡ bởi các mã cổ phiếu bluechips như VCB, BID, PLX, HPG, CTG. Vận động giằng co trong phiên chiều, thị trường vẫn duy trì được nhịp hồi phục và kết phiên trên ngưỡng 745. Nhịp rung lắc của VN-Index cùng với thanh khoản ở mức trung bình và động thái bán ròng tiếp diễn của khối ngoại cho thấy xu hướng chung của thị trường vẫn chưa có đột biến và nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì trên nền đáy hiện tại. Phiên ngày mai đồng thời cũng là phiên đáo hạn của HĐTL VN30F2003.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể biến động mạnh trong phiên đáo hạn của VN30F2003 vào ngày mai.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/03/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_ Xây dựng_1.4%. 11/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.3%

Phân tích kỹ thuật: DPG_Mô hình cánh dơi (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.88 điểm**, đóng cửa 747.66. HNX-Index **+1.12 điểm**, đóng cửa 101.84.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.96); PLX (+1.00); BID (+0.88); VIC (+0.48); HPG (+0.40)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.95); SAB (-0.90); GVR (-0.75); VNM (-0.49); VHM (-0.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,899 tỷ đồng**, **-6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.53 điểm. Thị trường có 229 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 131 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **589.48 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VHM (84.33 tỷ), SVC (50.09 tỷ) và VNM (43.53 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **66.92 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

747.66

Giá trị: 2899.12 tỷ

1.88 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): -595.53 tỷ

HNX-INDEX

101.84

Giá trị: 497.24 tỷ

1.12 (1.11%)

Khối ngoại (ròng): -66.92 tỷ

UPCOM-INDEX

50.37

Giá trị: 0.16 tỷ

0.06 (0.12%)

Khối ngoại (ròng): -29.06 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	26.3	-2.45%
Giá vàng	1,493	-2.30%
Tỷ giá USD/VND	23,247	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	26,015	0.36%
Tỷ giá JPY/VND	21,641	0.23%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	-3.39%
LS TPCP 5 năm	2.0%	1.39%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	16.6	VHM	84.2
CTG	15.3	SVC	56.9
VCB	10.7	VNM	43.4
PHR	3.3	E1VFN30	40.1
PPC	1.6	MSN	37.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn bán khoản với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

Tìm hiểu thêm

Sử dụng i-Invest tại đây

Bản công bố rủi ro

Link

Link

Hướng dẫn sử dụng

Video giới thiệu danh mục Chủ đề

Link

Link

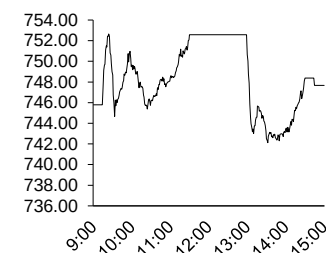
* **11/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **5/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

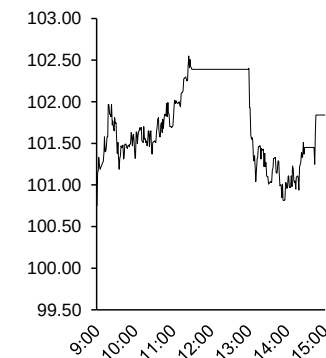
Hình 1
 HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	6.0%
Dịch vụ tài chính	2.6%
Ô tô và phụ tùng	2.5%
Du lịch và Giải trí	1.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.8%
Hóa chất	1.7%
Ngân hàng	1.7%
Công nghệ Thông tin	1.5%
Bán lẻ	1.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.6%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.5%
Bảo hiểm	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Viễn thông	-0.4%
Y tế	-1.8%
Thực phẩm và đồ uống	-1.9%
Bất động sản	-2.9%
Truyền thông	-4.2%

Nguồn: FiiinPro

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	1.4%	-8.1%	-20.2%	-22.3%	-31.7%	-38.3%	-27.9%	18.8%
Ngành Dược	1.2%	-5.5%	-12.5%	-11.3%	-7.8%	-8.2%	19.5%	18.1%
Nước & Năng lượng	1.0%	-4.3%	-18.9%	-24.5%	-27.8%	-28.3%	10.4%	15.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.9%	-9.7%	-23.0%	-20.3%	-20.5%	-7.1%	49.4%	20.1%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	-8.3%	-18.9%	-24.0%	-23.0%	-23.5%	-19.9%	19.3%
Ngân hàng	0.6%	-9.7%	-23.1%	-12.4%	-11.3%	-10.2%	43.7%	22.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	-5.0%	-14.0%	-15.5%	-12.6%	-14.7%	19.6%	14.9%
Hàng tiêu dùng	0.5%	-9.3%	-19.4%	-25.0%	-31.3%	-28.2%	8.2%	18.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	-7.1%	-17.6%	-20.1%	-21.4%	-17.0%	25.1%	16.1%
VN Diamond	0.3%	-8.3%	-20.7%	-17.6%	-19.9%	-11.4%	22.4%	17.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	-7.3%	-19.1%	-18.7%	-21.0%	-12.6%	23.7%	17.9%
VN FinSelect	0.2%	-8.6%	-20.5%	-12.6%	-12.6%	-16.2%	12.8%	18.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	-9.2%	-21.9%	-12.6%	-12.1%	-15.5%	17.0%	20.2%
FTSE Việt Nam	0.0%	-7.8%	-15.7%	-22.7%	-23.3%	-24.5%	37.5%	15.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-7.9%	-17.4%	-24.3%	-26.0%	-27.2%	29.3%	14.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.4%	-7.2%	-18.0%	-20.7%	-23.1%	-22.5%	16.0%	15.3%
Lãi suất giảm	-0.5%	-10.0%	-23.1%	-21.8%	-25.1%	-29.4%	6.0%	18.1%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-11.2%	-21.5%	-26.3%	-30.1%	-30.9%	-21.9%	16.3%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.0%	-9.6%	-19.1%	-24.8%	-27.4%	-27.5%	3.2%	16.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	-9.1%	-19.2%	-25.2%	-26.7%	-37.0%	4.0%	21.5%
Dầu khí	-2.0%	-10.4%	-28.3%	-35.3%	-40.6%	-42.3%	-24.7%	23.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Danh mục 5	1.3%	-6.9%	-19.2%	-19.7%	-20.8%	-8.0%	39.7%	17.6%
Danh mục 2	1.2%	-6.9%	-20.1%	-23.6%	-23.7%	-16.9%	22.8%	18.9%
Danh mục 4	0.8%	-8.0%	-20.3%	-21.7%	-21.6%	-8.9%	47.8%	19.2%
Danh mục 1	0.0%	-7.1%	-19.1%	-19.1%	-18.1%	-14.4%	41.4%	17.9%
Danh mục 6	-0.4%	-8.8%	-22.0%	-18.8%	-22.0%	-19.1%	17.3%	19.3%
* Note	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Danh mục 11	-0.1%	-5.1%	-15.3%	-17.1%	-18.5%	-10.2%	26.1%	16.4%
Danh mục 12	-0.1%	-7.8%	-19.0%	-21.6%	-24.5%	-11.7%	55.9%	17.3%
Danh mục 10	-1.2%	-8.8%	-18.0%	-20.7%	-21.7%	-12.1%	21.7%	16.0%
* Note	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	0.3%	-7.8%	-19.4%	-22.8%	-24.5%	-25.5%	4.3%	15.9%
VN30INDEX	0.1%	-7.6%	-18.7%	-20.8%	-22.9%	-24.4%	5.8%	16.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

DPG_Mô hình cánh dơi

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở dưới giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: DPG thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái dao động dập dình lên xuống trong khu vực 22-30. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng. Hôm nay, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross, đồng thời trước đó cổ phiếu cũng đã tạo mô hình cánh dơi nên đây có thể là sự khởi đầu cho một giai đoạn tăng giá mới của DPG. Tuy vậy, EMA12 vẫn đang ở dưới EMA26 và chỉ báo RSI cũng chưa vượt qua giá trị 50 nên áp lực bán ngắn hạn có thể xuất hiện. Theo đánh giá của chúng tôi, DPG tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại ngưỡng kháng cự 30 và cần tìm thêm động lực để vượt qua vùng cản tâm lý này.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá	Link	TAR_Hồi phục từ đáy	Link
STB_Bứt phá	Link		
KSB_Mô hình hai đáy	Link		
TIG_Bứt phá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 18/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 18/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	26.97	0.07%	-18.22%	-48.50%	-54.63%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	28.95	0.77%	-19.11%	-49.60%	-55.49%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	73.89	3.87%	-33.45%	-57.20%	-59.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1534.31	0.42%	-6.13%	-3.00%	19.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	12.79	1.37%	-23.67%	-27.70%	-15.34%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	836.00	1.40%	-4.29%	-7.50%	-12.94%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	500.50	0.25%	-2.39%	-7.60%	-1.04%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.89	-0.63%	0.38%	-6.90%	0.38%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.40	-0.12%	-1.16%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.89	-1.80%	-13.50%	-26.30%	-23.79%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	102.60	-1.25%	-10.28%	-3.80%	-8.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5144.00	-2.77%	-7.58%	-10.70%	-20.36%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3569.00	0.68%	1.83%	4.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1651.50	-1.40%	-2.68%	-4.10%	-15.13%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	682.50	2.48%	3.02%	7.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.35	0.08%	2.00%	-6.50%	-24.00%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 1.32 USD xuống 28.73 USD/thùng – lần đầu tiên – xuống dưới ngưỡng 30 USD/thùng kể từ năm 2016, trong khi dầu WTI giảm 1.75 USD tương đương 6.1% xuống 26.95 USD/thùng.
- Giá dầu giảm xuống dưới ngưỡng 30 USD/thùng do đại dịch virus corona làm chậm tăng trưởng kinh tế và nhu cầu dầu, trong khi Saudi Arabia và Nga tiếp tục cạnh tranh để giành thị phần. Giá dầu giảm bất chấp thị trường chứng khoán hồi phục trở lại.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,524.81 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 tăng 2.6% lên 1,525.8 USD/ounce. Giá vàng tăng sau 5 phiên giảm liên tiếp do hoạt động mua vào kiếm lời, khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ thúc đẩy cho vay làm giảm bớt mối lo ngại về tính thanh khoản trên thị trường.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 20 US cent tương đương 1.8% xuống 10.89 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 4 USD tương đương 1.2% xuống 338.5 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 1.3 US cent tương đương 1.3% xuống 1.026 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 9 USD xuống 1,212 USD/tấn.

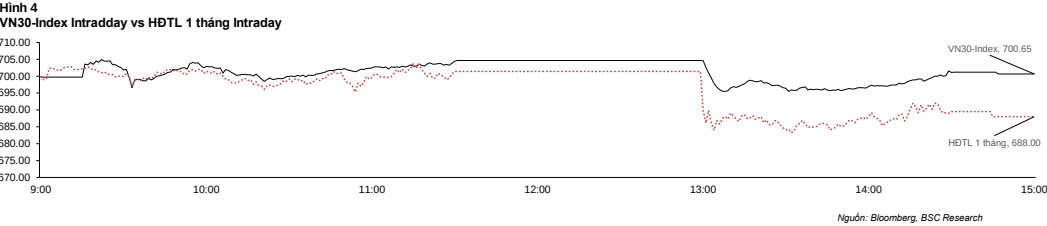
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.8 JPY lên 162.6 JPY (1.5 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 65 CNY xuống 10,335 CNY (1,476 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo tăng do các nhà đầu tư tìm cách mua vào kiếm lời, song lo ngại nền kinh tế toàn cầu chậm lại bởi đại dịch virus corona đã hạn chế đà tăng.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 0.9% lên 671 CNY (95.84 USD)/tấn và giá quặng sắt trên sàn Singapore tăng 1.1%; trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.2% xuống 3,555 CNY (507.76 USD)/tấn, giá thép cuộn cán nóng giảm 0.7%.
- Giá thép tại Trung Quốc giảm trở lại sau khi đạt mức cao nhất gần 2 tháng trong phiên trước đó, do lo ngại đại dịch virus corona và tác động đối với nền kinh tế thế giới.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	688.00	-1.80%	-12.65	-19.2%	174,759	3/19/2020	3
VN30F2004	682.00	-2.57%	-18.65	34.1%	9,564	4/16/2020	31
VN30F2006	681.00	-2.55%	-19.65	0.0%	80	6/18/2020	94
VN30F2009	685.50	-1.58%	-15.15	404.7%	535	9/17/2020	185

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 0.92 điểm lên mức 700.65 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VCB, MWG, PLX, và EIB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tích lũy quanh vùng 699-704 điểm. Sang phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm xuống gần 695 điểm, sau đó hồi phục tích cực cuối phiên. Thanh khoản duy trì tại mức thấp. VN30 có thể biến động mạnh trong phiên đảo hạn của VN30F2003 vào ngày mai.

- Các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2003 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm tiếp diễn trong ngắn hạn và hồi phục trong dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CROS2001	KIS	6/19/2020	93	4.1	899,600	259.2%	10.0 triệu	53.43%	1,500	90	80.00%	-	
CREE2001	HSC	6/22/2020	96	5.1	150,900	-43.9%	5.0 triệu	27.32%	1,100	360	44.00%	58.10	6.20
CMWG2004	SSI	6/15/2020	89	1.1	108,630	77.4%	1.0 triệu	28.31%	13,600	1,740	41.46%	115.90	15.01
CHPG1907	SSI	4/22/2020	35	1.1	220,570	147.8%	1.0 triệu	28.70%	4,200	740	29.82%	271.90	2.72
CHDB2003	KIS	12/16/2020	273	2.1	12,010	33.4%	2.0 triệu	27.63%	2,700	990	25.32%	76.00	13.03
CHPG2004	SSI	6/15/2020	89	1.1	58,880	110.1%	5.0 triệu	28.70%	2,800	820	15.49%	183.10	4.48
CHPG2003	MBS	5/4/2020	47	3.1	229,760	-26.6%	6.0 triệu	28.70%	1,570	340	13.33%	-	
CHPG2002	KIS	12/16/2020	273	2.1	106,790	737.6%	3.0 triệu	28.70%	1,700	820	12.33%	76.80	10.68
CDPM2001	KIS	6/19/2020	93	2.1	244,010	93.5%	2.0 triệu	31.01%	1,000	290	7.41%	52.50	5.52
CFPT1908	MBS	6/17/2020	91	3.1	94,900	-70.8%	2.4 triệu	25.52%	3,150	900	4.65%	274.90	3.27
CVPB2004	SSI	5/14/2020	57	1.1	75,060	-71.1%	3.0 triệu	31.82%	4,100	990	4.21%	343.70	2.88
CNVL2001	KIS	12/16/2020	273	4.1	20,010	n/a	2.0 triệu	18.73%	2,300	1,670	3.09%	91.70	18.21
CVPB2001	HSC	6/22/2020	96	2.1	195,890	77.5%	5.0 triệu	31.82%	1,500	1,850	0.54%	1,214.30	1.52
CMSN2001	KIS	12/16/2020	273	5.1	40,520	205.1%	2.0 triệu	29.03%	2,300	1,290	0.00%	233.30	5.53
CMBB2001	HSC	6/22/2020	96	2.1	185,850	210.9%	5.0 triệu	25.64%	1,600	270	0.00%	20.20	13.37
CVRE1903	KIS	5/15/2020	58	2.1	671,300	531.5%	4.0 triệu	28.85%	2,700	80	0.00%	0.10	800.00
CSTB2001	KIS	6/19/2020	93	1.1	160,400	-54.4%	5.0 triệu	28.56%	1,500	1,060	-9.43%	262.90	4.03
CFPT2001	HSC	6/22/2020	96	5.1	76,670	460.9%	5.0 triệu	25.52%	1,600	480	-9.43%	108.70	4.42
CVHM2001	KIS	12/16/2020	273	5.1	15,060	n/a	2.0 triệu	24.15%	3,100	1,710	-11.86%	149.50	11.44
CTCB1902	VND	6/5/2020	79	1.1	93,360	-63.9%	2.0 triệu	28.38%	5,300	700	-23.91%	171.10	4.09
CVHM1902	SSI	4/22/2020	35	1.1	94,730	307.1%	1.0 triệu	24.15%	18,600	400	-34.43%	7.60	52.63
CVIC1902	SSI	4/22/2020	35	1.1	209,810	2797.9%	1.0 triệu	19.46%	22,700	190	-48.65%	-	
Tổng:					3,964,710		74.40 triệu	28.37%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/03/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CMWG2004 và CHDB2003 tăng mạnh lần lượt là 41.46% và 25.32%. Trái lại, CVHM2001 giảm mạnh -11.86%. Giá trị giao dịch tăng 33.13%. CVRE1903 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.58% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền CVPB2001 và CVPB2002, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhto@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	19.70	2.60	1.13
VCB	69.30	2.67	0.73
MWG	78.80	1.94	0.60
PLX	42.10	6.99	0.40
EIB	16.35	1.55	0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	95.0	-1.04	-0.75
STB	10.0	-1.96	-0.49
SAB	136.0	-3.61	-0.49
MBB	16.5	-1.20	-0.38
GAS	58.0	-3.01	-0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKKS
CROS2001	32,468	26,468	5,270
CREE2001	39,553	34,311	30,300
CMWG2004	24,100	10,500	78,800
CHPG1907	25,200	21,000	19,700
CHDB2003	37,523	32,123	21,300
CHPG2004	26,300	23,500	19,700
CHPG2003	26,810	22,100	19,700
CHPG2002	33,399	29,999	19,700
CDPM2001	16,567	14,567	11,850
CFPT1908	63,450	54,000	48,400
CVPB2004	28,100	24,000	21,550
CNVL2001	75,088	65,888	51,000
CVPB2001	23,000	20,000	21,550
CMSN2001	77,289	65,789	49,400
CMBB2001	24,200	21,000	16,500
CVRE1903	41,189	35,789	22,100
CSTB2001	12,499	10,999	10,000
CFPT2001	64,000	56,000	48,400
CVHM2001	110,067	94,567	69,500
CTCB1902	26,300	21,000	17,950
CVHM1902	103,600	85,000	69,500
CVIC1902	137,700	115,000	89,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	78.8	1.9%	1.0	1,553	4.8	8,655	9.1	2.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.4	0.7%	1.3	562	2.0	5,361	10.7	2.8	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	39.0	0.0%	1.4	1,259	0.6	1,632	23.9	1.5	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.3	2.8%	0.6	294	0.0	2,623	11.2	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	89.0	0.6%	0.9	13,089	3.0	2,268	39.2	4.0	14.6%	11.7%
VRE	Bất động sản	22.1	0.0%	1.1	2,183	1.8	1,253	17.6	1.9	32.6%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.0	-1.0%	0.8	2,150	1.0	3,552	14.4	2.2	6.3%	16.6%
REE	Bất động sản	30.3	1.3%	1.0	408	0.8	5,287	5.7	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	10.9	-1.8%	1.5	247	0.7	2,850	3.8	0.8	42.9%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.7	-3.5%	1.4	309	1.9	1,787	7.7	0.7	53.2%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.9	-2.1%	1.0	135	0.0	4,218	4.5	0.8	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	13.8	-1.8%	1.8	183	0.7	1,421	9.7	1.0	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	48.4	-0.2%	0.8	1,427	3.5	4,631	10.5	2.4	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	44.0	-2.2%	0.4	476	0.0	4,812	9.1	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	58.0	-3.0%	1.6	4,826	2.8	6,096	9.5	2.3	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	42.1	7.0%	1.5	2,180	1.6	3,495	12.0	2.2	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.6	-4.5%	1.6	220	3.2	1,529	6.9	0.4	18.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	6.5	-7.1%	0.8	876	1.5	1,163	5.6	0.6	41.1%	11.0%
DHG	Dược	79.3	1.7%	0.5	451	0.1	4,668	17.0	3.1	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.9	2.2%	0.6	202	0.4	774	15.3	0.6	18.6%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.8	3.6%	0.7	134	0.2	600	9.7	0.5	1.9%	5.2%
VCB	Ngân hàng	69.3	2.7%	1.2	11,175	3.3	5,003	13.9	3.2	23.8%	25.9%
BID	Ngân hàng	34.6	2.2%	1.7	6,042	2.6	2,366	14.6	1.9	18.0%	13.3%
CTG	Ngân hàng	21.0	-0.2%	1.3	3,392	5.9	2,541	8.2	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.6	0.2%	1.2	2,284	3.0	3,379	6.4	1.2	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.5	-1.2%	1.1	1,730	3.8	3,476	4.7	1.0	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	21.2	0.5%	1.1	1,527	4.6	3,694	5.7	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	36.8	0.8%	0.9	131	0.2	5,165	7.1	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	28.1	3.3%	0.4	120	0.0	4,167	6.7	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.6	-6.0%	0.8	671	0.1	732	21.3	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	19.7	2.6%	1.1	2,365	8.9	2,581	7.6	1.1	38.0%	17.0%
HSG	Thép	6.2	-0.5%	1.7	113	0.9	1,161	5.3	0.5	18.1%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	95.0	-1.0%	0.6	7,193	5.5	5,478	17.3	6.0	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	136.0	-3.6%	0.8	3,792	0.3	7,477	18.2	4.6	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.4	-0.2%	1.0	2,511	4.6	4,772	10.4	1.3	37.9%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	15.1	0.0%	0.7	385	1.6	508	29.8	1.3	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	50.5	-6.3%	0.8	4,780	0.2	2,630	19.2	3.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	101.4	-0.3%	1.1	2,309	1.7	7,889	12.9	3.5	19.1%	28.7%
HVN	Vận tải	20.8	-1.9%	1.7	1,283	0.7	1,640	12.7	1.6	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	17.0	3.4%	1.0	219	0.5	1,595	10.6	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	8.9	-0.1%	0.9	109	0.3	2,421	3.7	0.6	30.4%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	57.6	6.9%	1.2	401	1.4	8,824	6.5	2.7	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.1	-1.2%	0.7	314	0.1	1,454	11.1	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.3	-0.8%	0.8	204	0.0	1,953	6.3	0.9	6.4%	14.2%
CTD	Xây dựng	55.1	0.7%	1.2	183	0.4	8,858	6.2	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.9	0.4%	0.7	478	0.2	1,567	15.9	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	21.0	6.1%	0.4	226	1.5	2,769	7.6	0.9	49.4%	12.9%
POW	Điện	8.8	-1.0%	0.6	892	0.7	1,064	8.2	0.8	12.6%	9.7%
NT2	Điện	17.1	0.6%	0.6	213	0.2	2,560	6.7	1.2	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	69.30	2.67	1.90	1.10MLN
PLX	42.10	6.99	1.02	880510.00
BID	34.55	2.22	0.86	1.74MLN
VIC	89.00	0.56	0.48	785390.00
HPG	19.70	2.60	0.39	10.40MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.98	1.11MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.93	49230.00	607060.00
GVR	-0.01	-0.80	1.43MLN	373600.00
VNM	0.00	-0.50	1.32MLN	192700.00
VHM	0.00	-0.38	1.71MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

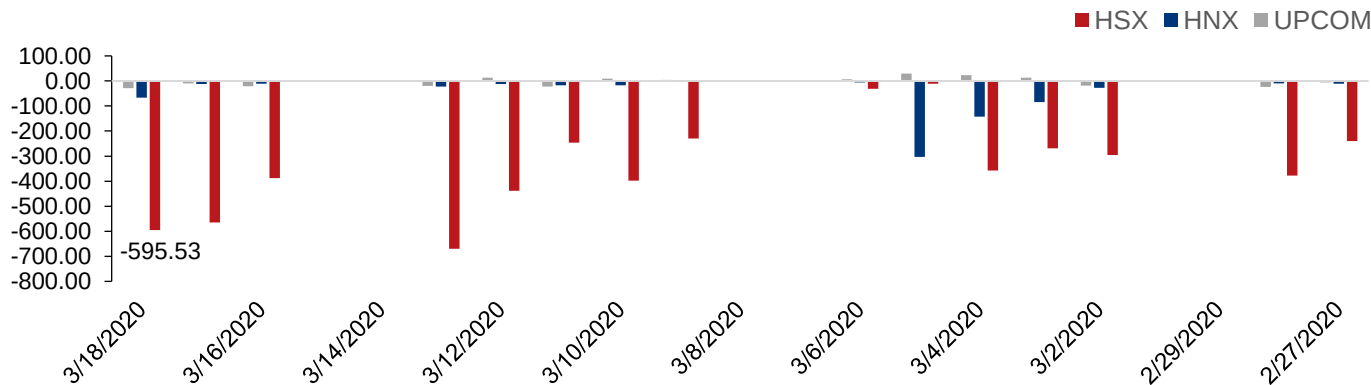
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FCN	7.49	7.00	0.02	869770.00
AMD	5.20	7.00	0.02	430510.00
CIG	1.99	6.99	0.00	4150.00
PLX	42.10	6.99	1.02	880510.00
CTS	6.74	6.98	0.01	218480.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLP	8.11	-7.00	0.00	58480.00
BMC	11.35	-6.97	0.00	22160.00
NVT	4.84	-6.92	-0.01	150210.00
YEG	60.60	-6.91	-0.04	67910.00
CRE	15.60	-6.87	-0.03	41040.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	11.90	5.31	0.80	7.40MLN
ACB	21.20	0.47	0.16	4.94MLN
VCS	57.60	6.86	0.12	588400.00
SHN	8.90	3.49	0.04	13000.00
PVI	29.30	2.81	0.03	32100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	10.60	-4.50	-0.12	6.86MLN
NET	34.50	-8.97	-0.05	3100.00
SHS	6.80	-2.86	-0.03	1.05MLN
MBS	8.60	-6.52	-0.03	14300.00
TNG	12.70	-3.79	-0.02	648700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	0.90	12.5	0.02	1.03MLN
SPI	0.90	12.5	0.00	327900.00
LO5	1.10	10.0	0.00	1000.00
VBC	17.60	10.0	0.00	500.00
MAS	29.40	9.7	0.01	1400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	28000.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	76000.00
HKB	0.60	-14.29	0.00	48700.00
TV4	10.80	-10.00	-0.01	48100.00
PGN	12.80	-9.86	0.00	3000.00

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	95.0	5,478	17.3	6.0	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.0	2,736	4.0	0.6	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	78.8	8,655	9.1	2.9	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	24.7	6,362	3.9	0.9	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.4	4,631	10.5	2.4	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.3	2,109	8.7	1.3	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	20.6	3,897	5.3	0.9	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	79.3	4,668	17.0	3.1	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.5	4,313	5.2	1.0	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.4	5,361	10.7	2.8	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	8.9	2,421	3.7	0.6	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	135.5	14,782	9.2	3.7	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.7	0	24.8	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	78.8	8,655	9.1	2.9	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	21.2	3,694	5.7	1.3	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.0	2,736	4.0	0.6	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	18.0	2,881	6.2	1.0	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	69.3	5,003	13.9	3.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	19.8	7,028	2.8	1.0	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	48.4	4,631	10.5	2.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 20400; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng (+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 35000; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28780; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 15000; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%, LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn